

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 - 2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/QĐST-HPT ngày 1/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L T T H, sinh năm 1983 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A H, xã T A, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông N C T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A H, xã T A, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai nguyên đơn bà L T T H trình bày:

Bà H và ông N C T kết hôn năm 2001, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 26/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã T A, huyện Bình Long (nay là huyện Hón Quản), tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn

kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau nên bà H yêu cầu ly hôn với ông N C T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là N Ch T D, sinh năm 2002 và N C T P, sinh năm 2010. Khi ly hôn con chung N C T D đã trưởng thành nên bà H không có yêu cầu gì, đối với con chung N C T Phiện nay đang ở cùng ông T và cháu cũng có nguyện vọng ở cùng ông T nên bà H đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông N C T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án, không cung cấp biên bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Sáu.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy bà H yêu cầu ly hôn với ông T do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân thì xác định giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà L T T H được ly hôn với ông N C T. Hiện tại con chung Nguyễn Chiêu Tuấn Phong đang do ông T nuôi dưỡng nên đề nghị giao con chung Nguyễn Chiêu Tuấn Phong cho ông T nuôi dưỡng. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L T T H yêu cầu ly hôn với ông N C T, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hớn Quản, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông T vắng mặt

lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 26/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau nên yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2023 thể hiện quá trình chung sống bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung. Đồng thời, quá trình giải quyết ông T không tham gia hòa giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản và biên bản ghi lời khai con chung N Chiêu Tuấn Phong xác định, hiện nay cháu P đang do ông T nuôi dưỡng, đồng thời theo nguyện vọng của cháu Phong khi cha mẹ ly hôn thì cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng cha là ông T, ông T không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung Nguyễn Chiêu Tuấn Phong cho ông N C T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Đối với con chung N C T D đã trưởng thành, không đương sự nào có yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L T T H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L T T H ly hôn với ông N C T.

2. Về con chung: Giao con chung N C T Phong, sinh ngày 24/01/2010 cho ông N C T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà L T T H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014712 ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Như Phạm Thị Thanh Hương

Đỗ Đình Thuyên

- Nơi nhận :**
- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện Hớn Quản
 - Các đương sự
 - Nơi ĐKKH
 - CCTHADS huyện Hớn Quản
 - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy

